

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28/02/2025

V/v Tranh chấp về HNGĐ - Ly
hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Cẩm Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Phú Hữu;
- Ông Nguyễn Hồng Thơ.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Kim Khuyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị Bích H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số 03a/a13, đường X2, khu phố B, phường AP, thành phố TA, tỉnh Bình Dương.

2. **Bị đơn:** Anh Phạm Minh T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Tổ Ss, Khóm ML, Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị Lê Thị Bích H có mặt, anh Phạm Minh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/11/2024 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Lê Thị Bích H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào ngày 31/12/2009, chị Lê Thị Bích H và anh Phạm Minh T kết hôn tại UBND Phường MP, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 116 ngày 31/12/2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, Tuy nhiên, anh T thường cờ bạc, chị H đã nhiều lần tha thứ cho anh T và cùng anh làm để trả nợ. Cuối năm 2020, vợ chồng anh chị mở quán nhậu ở Bình Dương, anh T đã thay đổi, chí thú làm ăn. Đến đầu năm

2022, anh T quay lại chơi số đề, chơi đánh bạc trên mạng, chị H đã khuyên can anh T nhiều lần nhưng anh T không chịu thay đổi và vay nợ nhiều nơi, chị H đã đứng ra vay 200 triệu đồng để trả nợ cho anh T vì anh T hứa trả hết nợ sẽ không chơi nữa. Ngày 19/7/2022, anh T bỏ đi để mặc chị H và các con xử lý hậu quả anh để lại. Anh T bỏ đi không liên lạc với chị H, không gửi tiền nuôi 02 con nhỏ và trả món nợ 200 triệu đồng.

Nay chị H nhận thấy tình cảm giữa chị H với anh T đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Minh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Lê Thanh T2, sinh ngày 18/01/2011 và Phạm Lê Minh A, sinh ngày 26/11/2018. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Phạm Minh T: Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung vụ án, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì liên quan đến vụ án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn chị Lê Thị Bích H yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Phạm Minh T, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, ngoài ra nguyên đơn, bị đơn không còn yêu cầu nào khác nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp về hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con”.

Về thẩm quyền giải quyết: Anh Phạm Minh T là bị đơn trong vụ án có địa chỉ Tổ Ss, Khóm ML, Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh Phạm Minh T nhưng anh Phạm Minh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Bích H và anh Phạm Minh T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 116 ngày 31/12/2009 tại Ủy ban nhân dân phường MP, thành phố C nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời chị H trình bày, trong quá trình chị H và anh T chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh T thường xuyên cờ bạc. Chị H đã khuyên can anh T nhiều lần nhưng anh T không chịu thay đổi.

Hội đồng xét xử nhận định, trong quá trình chung sống, chị H và anh T phát sinh mâu thuẫn là có thật và vợ chồng anh chị đã không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2022 cho đến nay. Thời gian xa nhau, anh chị cũng không thể hàn gắn lại tình cảm. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị H xác định đã không còn tình cảm với anh T. Về phía anh T, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng đến nay anh vẫn không đến Tòa án trình bày ý kiến hay có văn bản thể hiện phản đối yêu cầu ly hôn của chị H và anh cũng không có hành động nào thể hiện ý muốn hàn gắn tình cảm với chị H. Do mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Bích H, chị Lê Thị Bích H được ly hôn với anh Phạm Minh T.

[2.2] Về con chung: Căn cứ lời khai của chị H và giấy khai sinh số 09, quyển số 01, đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường MP, thành phố C ngày 20/01/2011 và Giấy khai sinh số 612 đăng ký tại Ủy ban nhân dân AP, TX TA, tỉnh Bình Dương ngày 04/12/2018, Hội đồng xét xử nhận định chị H và anh T có 02 con chung gồm Phạm Lê Thanh T2, sinh ngày 18/01/2011 và Phạm Lê Minh A, sinh ngày 26/11/2018. Hiện nay hai con chung đang sống với chị H.

Khi ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung Phạm Lê Thanh T2, sinh ngày 18/01/2011 và Phạm Lê Minh A, sinh ngày 26/11/2018. Hội đồng xét xử xét thấy hai con chung đang sống chung với chị H, do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Yêu cầu của chị H cũng phù hợp với nguyện vọng của hai con chung và phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị H xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị Bích H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh Phạm Minh T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Bích H. Chị Lê Thị Bích H được ly hôn với anh Phạm Minh T.

2. Về con chung: Chị Lê Thị Bích H và anh Phạm Minh T có 02 con chung gồm Phạm Lê Thanh T2, sinh ngày 18/01/2011 và Phạm Lê Minh A, sinh ngày 26/11/2018, hiện nay con chung đang sống chung với chị H.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Bích H. Sau khi ly hôn, chị Lê Thị Bích H được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Phạm Lê Thanh T2, sinh ngày 18/01/2011 và Phạm Lê Minh A, sinh ngày 26/11/2018.

Sau khi ly hôn, người không được quyền nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không được quyền nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được quyền nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không được quyền nuôi con chung.

Người được quyền nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không được quyền nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét

4. Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Lê Thị Bích H phải chịu 300.000 đồng án phí về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013181 ngày 23/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, chị H đã nộp xong.

Anh Phạm Minh T không phải chịu án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Bích H được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Minh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS TPCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Cẩm Hùng